

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **138/2018/HS-PT**

Ngày 26-7-2018

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

***-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Bùi Trọng Danh**

*Các Thẩm phán:* Ông **Trần Minh Long**

Ông **Huỳnh Đức Kỳ**

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà **Hồ Quỳnh Trâm** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*** Bà **Phan Thị Lựu** - Kiểm sát viên.

Ngày 26/7/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 81/2018/HSPT ngày 11/5/2018 đối với các bị cáo Trần Thị Hồng H1, Lê Văn H2, Nguyễn Công C, Phạm Như T do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2018/HSST ngày 04/4/2018 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

***-Các bị cáo có kháng cáo:***

**1. TRẦN THỊ HỒNG H1 (Út);** Sinh ngày 15/10/1978 tại tỉnh Quảng Nam; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thị trấn K, huyện Y, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc : Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Quý N và bà Nguyễn Thị H; Gia đình có 5 chị em, bị cáo là con thứ hai; Bị cáo có 02 con: lớn nhất sinh năm 1997, con nhỏ nhất sinh năm: 2003; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 08/8/2017. Có mặt.

**2. LÊ VĂN H2;** Sinh năm 1975 tại tỉnh Quảng Trị; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: X , xã G, huyện L, tỉnh Quảng Trị. Nghề nghiệp: thợ xây; Trình độ học vấn : 8/12; Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Lê Văn K và bà Bùi Thị T; Gia đình có 08 chị em, bị cáo là con thứ 2; Có vợ: Hoàng Thị L và 3 con, con lớn nhất sinh năm 1999, con nhỏ nhất sinh năm 2012. Tiền án: 03 tiền án về tội Đánh bạc : Tháng 08/2013, bị TAND tỉnh Quảng Trị phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “ Đánh bạc”. Tháng 04/2014, bị TAND huyện V, Quảng Trị tuyên phạt 9 tháng tù về tội “ Đánh bạc” và tổng hợp hình phạt 02 Bản án là 21 tháng

tù. Năm 2015, bị TAND huyện C, tỉnh Quảng Trị tuyên phạt 12 tháng tù về tội “Đánh bạc” (Đang được hoãn thi hành án); Tiền sự: chưa. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 08/8/2017. Có mặt.

**3. Nguyễn Công C;** Sinh năm 1969 tại Bình Định ; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Tổ 03 phường T, TP. P, Tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Tài xế ;Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn B (Liệt sĩ) và bà Nguyễn Thị Đ(sống). Gia đình có 2 anh em, bị cáo là con thứ hai; có vợ là Nguyễn Thị T và có 03 con, con lớn nhất sinh năm: 1993, con nhỏ nhất sinh năm : 1997. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 08/8.2017. Có mặt.

**4. PHẠM NHƯ TIẾN;** Sinh ngày 20/5/1987 tại tỉnh Gia Lai ; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở : Tổ 11, phường N, TP P, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Sửa xe; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Như H và bà Trương Thị T; Gia đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ ba; Có vợ là Đinh Thị Lệ T và 02 con ,con lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: chưa; Nhân thân: Năm 2016, bị TAND TP. Pleiku xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội Trộm cắp tài sản; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 08/8/2017. Có mặt.

#### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có quen biết từ trước nên sau khi gặp nhau ở Huế thì Trần Thị Hồng H1, Nguyễn Công C, Phạm Như T và Lê Văn H2 rủ nhau đến thành phố Đà Nẵng chơi. Ngày 03/8/2017, C cùng T đi xe khách đến thành phố Đà Nẵng trước, H2 cũng đi xe khách vào ngay sau đó. H1 có việc nên thuê xe dịch vụ của Nguyễn Văn N vào sau. Trên đường đi, H1 liên lạc với C rủ đi nhậu tại quán P, phường Q, quận Sơn Trà. C đồng ý. Sau khi đến Đà Nẵng, C và T thuê khách sạn để nghỉ. Khoảng 13 giờ cùng ngày, C đi đến quán P như đã hẹn với H1. C đến được một lúc thì H1 và N đến. Cả ba nhậu được khoảng mười phút thì N và H1 đi thuê khách sạn để tắm rồi quay lại sau. Khi H1 về khách sạn, H1 nảy sinh ý định rủ N đi nhậu sau đó rủ đánh bài ăn tiền của N nên H1 nhắn tin cho C trao đổi về ý định và việc đổi tên của C, H2, T và H1 thành Ba, Quang, Dũng và Út. C đồng ý. Sau khi C trao đổi với H1 xong thì T đến gặp C, C nói với T về việc đổi tên của T là Dũng khi T đến gặp N. Khoảng 15 giờ cùng ngày thì H1 và N quay lại quán nhậu P. N, T, H1 và C nhậu được khoảng 20 phút thì H2 tới. Khi H2 vào bàn thì C giới thiệu với N là H2 tên là Quang. Nhậu đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày thì N rủ H1, T, C đi hát karaoke nhưng H1 không đồng ý mà rủ C, T, H2 và N đánh bài “ xì lát” ăn tiền. C, T, N và H2 đồng ý. Khi đánh bài N và Hải chung 1 cửa và là người cầm cái , còn T, C, H2 là các nhà con. Mỗi một ván bài cá

cược số tiền từ 200.000 đồng đến 5.000.000 đồng. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, N thua hết số tiền 9.000.000 đồng mang theo trong người. Sau đó, N đưa cho H1 1 thẻ ATM và đọc mật khẩu để H1 đi rút số tiền 5.000.000 đồng (H1 chỉ đưa cho N 4.800.000 đồng) về tiếp tục chơi đánh bài. Chơi được một lúc, N lại thua hết tiền trên nên N, C, H2, Tiến tiếp tục chơi đánh bài “Xì lát” nhưng cho N nợ. Khi N nợ đến số tiền 100.000.000đồng thì C đòi nghỉ nhưng N không chịu nghỉ mà nói sẽ cầm xe ô tô lấy tiền trả nợ và lấy tiền tiếp tục chơi bài nên N nói H1 tìm người cầm xe ô tô. Lúc này, H1 gọi điện cho H3 đến cầm xe cho N nhưng H3 không đồng ý vì không có tiền. Khi nghe H3 nói như vậy thì H1 nói với H3 là có người nợ H1 tiền nên chỉ cần H3 giả danh người cầm đồ đến nhận cầm xe thì H1 thì H1 cho H3 hưởng 20% trên tổng số tiền nhận cầm xe và H3 được lấy tiền nhận cầm xe như thông thường. H3 đồng ý và rủ K đến quán nhậu P để giúp H3 mang xe về sau khi nhận cầm. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày thì N thua số tiền nợ là 200.000.000đồng thì C, H2, T và N nghỉ chơi để chờ người cầm đồ đến cầm xe rồi tiền rồi đánh tiếp. Lúc này, H1 nhắn tin cho C gom tiền từ H2 và T đưa cho H1 để H2 đưa cho người nhận cầm đồ. Sau khi nhận được tin nhắn của H1, C không bàn bạc gì với T và H2 mà tự C lấy tiền của T và C để trên chiếu bạc được tổng số tiền 18.500.000 đồng ra đưa cho H1. H1 thấy tiền ít nên cho vào thêm 6.000.000đồng được tổng số tiền 24.500.000đồng( 49 tờ loại 500.000đồng). Khi H3 đến, H1 thỏa thuận với Nguyễn Văn Hải là Năm còn nợ Hồng Hải 200.000.000đồng nên H1 giả nhận cầm xe giá 250.000.000đồng và H1 sẽ đưa cho H3 số tiền 50.000.000đồng để đưa cho N rồi vào gặp N viết hợp đồng thế chấp xe ô tô và yêu cầu N viết giấy mượn tiền đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet Orlando T, màu trắng – bạc. BKS: 75A – 016xx với giá 250.000.000đồng. Sau khi làm xong thủ tục cầm xe thì H3 đưa tiền cho N và nói với N là 50.000.000đồng. N bảo H1 đếm, H1 giả vờ đếm và nói với N là đủ 50.000.000đồng nhưng thực tế chỉ có 24.500.000đồng. sau đó, H3 nhờ Nguyễn Trọng K điều khiển xe của N về. Khi đó được tiền cầm xe, N cùng H1 tiếp tục đánh bạc với C, H2 và T đến khi N thua hết số tiền đã cầm xe rồi nghỉ.

Đến khoảng 14 giờ 15 phút ngày 04/8/2017. Nguyễn Văn N đến cơ quan CSĐT Công an quận Sơn Trà tố cáo T, H1, C, H2 lừa đảo chiếm đoạt tài sản của N số tiền 285.000.000đồng dưới hình thức đánh bạc thắng thua bằng tiền.

Về hình thức đánh bạc là bài “Xì lát” thắng thua bằng tiền. Tỷ lệ thắng thua ở từng ván giữa nhà cái và nhà con là đặt một thắng một. Mỗi ván bài H2, Đặt cược từ 500.000đồng đến 5.000.000đồng. C và T mỗi người đặt cược số tiền từ 200.000đồng đến 5.000.000đồng.

Quá trình điều tra. Phạm Như T, Nguyễn Công C, Nguyễn Văn N, Lê Văn H và Trần Thị Hồng H1 thừa nhận hành vi đánh bạc ăn thua bằng tiền mặt. Cụ thể như sau:

- Phạm Như T sử dụng số tiền 3.200.000 đồng tham gia chơi đánh bạc. Thua 600.000 đồng tiền mặt và thắng 70.000.000 đồng trong giấy ghi nợ của N.

- Nguyễn Công C sử dụng số tiền 6.000.000 đồng để tham gia chơi, thắng số tiền 6.000.000 đồng tiền mặt và thắng 70.000.000 đồng trong giấy ghi nợ của N.

- Lê Văn H2 sử dụng số tiền 1.000.000 đồng để chơi đánh bạc, thắng số tiền 3.500.000 đồng tiền mặt và thắng 60.000.000 đồng trong giấy ghi nợ của N.

- Nguyễn Văn N sử dụng số tiền 38.300.000 đồng (bao gồm: 13.800.000 đồng tiền mặt + 24.500.000 đồng tiền nhận cầm xe) để tham gia đánh bạc, thua hết số tiền này. Đồng thời thua nợ số tiền 200.000.000 đồng. Tổng cộng N thua 248.500.000 đồng.

- Trần Thị Hồng H1 sử dụng số tiền 1.000.000 đồng vào mục đích đánh bạc.

Tổng số tiền được sử dụng vào mục đích đánh bạc là 259.000.000 đồng.

- Tang vật tạm giữ: Tạm giữ của Nguyễn Công C: 10.800.000 đồng tiền Việt Nam; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo IR8xx, màu đen, số imel 355684042363xxx; Tang vật tạm giữ của Nguyễn Văn H3: 01 Chiếc xe oto nhãn hiệu Chevrolet Orlando T, Màu trắng – bạc, BKS: 75A – 016xx; Tạm giữ của Phạm Như T: 01 chiếc điện thoại Iphone 6, màu đen và số tiền 9.250.000 đồng; Tạm giữ của Trần Thị Hồng H1: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung S7, vỏ máy màu vàng đồng và có số imel: 849xx; 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6plus, 16G và số imel: 80xxx.

Tại kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Sơn Trà kết luận: Xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet Orlando T, màu trắng – bạc, BKS: 75A - 01xxx có giá trị còn lại là: 383.400.000 đồng. Hiện đang thế chấp tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín Sacombank chi nhánh Thừa Thiên Huế tại giai đoạn khởi tố với số tiền nợ và lãi là 123.324.000 đồng.

Tại Bản án sơ thẩm số 21/2018/HSST ngày 04/4/2018 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà đã quyết định:

Căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 249, Điểm p khoản 1,2 Điều 46 BLHS 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 xử phạt các bị cáo Trần Thị Hồng H1, Nguyễn Công C, Phạm Như T, Lê Văn H2 về tội “Tổ chức đánh bạc”:

Trần Thị Hồng H1 06 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 08/8/2017; Nguyễn Công C 03 năm 06 tháng tù Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 08/8/2017; Phạm Như T 03 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 08/8/2017.

Căn cứ vào Điểm b, c Khoản 2 Điều 249, Điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017

Xử phạt: bị cáo Lê Văn H2 06 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 08/8/2017.

Bản án còn quyết định về phần tội danh và hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn N, phần hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo bản án.

Ngày 14, 15, 16 tháng 4 năm 2018, các bị cáo Nguyễn Công C, Lê Văn H, Phạm Như T, Trần Thị Hồng H có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo, xin xem xét lại tội danh và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về phần thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Công C, Lê Văn H2, Phạm Như T, Trần Thị Hồng H1 có đầy đủ nội dung theo thủ tục kháng cáo và nằm trong thời hạn kháng cáo nên đảm bảo hợp lệ.

Về nội dung đơn kháng cáo thì thấy: Các bị cáo Nguyễn Công C, Lê Văn H2, Phạm Như T, Trần Thị Hồng H1 bằng thủ đoạn đã có hành vi rủ rê Nguyễn Văn N tham gia đánh bạc với số tiền lớn nên Bản án sơ thẩm số 21/2018/HSST ngày 04/4/2018 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng đã xét xử các bị cáo về tội “Tổ chức đánh bạc” theo Điểm b Khoản 2 Điều 249, Điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS 1999; Nghị quyết số 41/2017QH14 ngày 20/6/2017 là có căn cứ, đúng tội, đúng pháp luật. Bản án sơ thẩm cũng đã xem xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, vai trò và nhân thân của bị cáo, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự 1999 xử phạt bị cáo Lê Văn H2 06 năm tù, Nguyễn Công C 03 năm 06 tháng tù, Phạm Như T 03 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc” là phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo nói trên và giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Riêng đối với bị cáo Trần Thị Hồng H1 án sơ thẩm xử phạt bị cáo 5 năm tù là có phần nghiêm khắc, do vậy đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của bị cáo H1, giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Lê Văn H2, Trần Thị Hồng H1, Phạm Như T, Nguyễn Công C cho rằng bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng xét xử các bị cáo về tội “Tổ chức đánh bạc” theo Điểm b Khoản 2

Điều 249 BLHS 1999 là không đúng. Các bị cáo xin Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét lại tội danh và xin giảm nhẹ hình phạt.

Quá trình điều tra Lê Văn H2, Trần Thị Hồng H1, Phạm Như T, Nguyễn Công C thừa nhận hành vi đánh bạc ăn thua bằng tiền mặt. Cụ thể như sau:

- Phạm Như T sử dụng số tiền 3.200.000 đồng tham gia chơi đánh bạc. Thua 600.000 đồng tiền mặt và thắng 70.000.000 đồng trong giấy ghi nợ của N.

- Nguyễn Công C sử dụng số tiền 6.000.000 đồng để tham gia chơi, thắng số tiền 6.000.000 đồng tiền mặt và thắng 70.000.000 đồng trong giấy ghi nợ của N.

- Lê Văn H2 sử dụng số tiền 1.000.000 đồng để chơi đánh bạc, thắng số tiền 3.500.000 đồng tiền mặt và thắng 60.000.000 đồng trong giấy ghi nợ của N.

— Nguyễn Văn N sử dụng số tiền 38.300.000 đồng (bao gồm: 13.800.000 đồng tiền mặt + 24.500.000 đồng tiền nhận cầm xe) để tham gia đánh bạc, thua hết số tiền này. Đồng thời thua nợ số tiền 200.000.000 đồng. Tổng cộng N thua 248.500.000 đồng.

- Trần Thị Hồng H1 sử dụng số tiền 1.000.000 đồng vào mục đích đánh bạc.

Tổng số tiền được sử dụng vào mục đích đánh bạc là 259.000.000 đồng.

Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Công C, Lê Văn H2, Phạm Như T, Trần Thị Hồng H1, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội danh “Tổ chức đánh bạc” trong khi Viện kiểm sát truy tố các bị cáo tội “Đánh bạc”. Căn cứ theo Điều 196 Bộ luật Tố tụng hình sự 2003: “Tòa án chỉ xét xử những bị cáo và những hành vi theo tội danh mà VKS truy tố và tòa đã quyết định đưa ra xét xử. Tòa có thể xét xử bị cáo theo khoản khác với khoản mà VKS đã truy tố trong cùng một điều luật hoặc về một tội khác bằng hoặc nhẹ hơn tội mà VKS đã truy tố”. Căn cứ công văn số 276/TANDTC-PC ngày 13 tháng 9 năm 2016 về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định có lợi cho người phạm tội của Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội thì việc tòa cấp sơ thẩm căn cứ khoản 3 Điều 298 BLTTHS 2015 xét xử các bị cáo về tội nặng hơn tội của Viện kiểm sát truy tố là làm bất lợi cho người vi phạm. Vì vậy, HĐXX quyết định sửa phần tội danh của bản án sơ thẩm từ tội “Tổ chức đánh bạc” chuyển sang tội “Đánh bạc” cho đúng quy định của pháp luật.

Do sửa về tội danh có hình phạt nhẹ hơn nên phần hình phạt sẽ được HĐXX xem xét cho tương ứng với tội danh và vai trò, vị trí, mức độ, hành vi của từng bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Văn N không có đơn kháng cáo nên HĐXX không đề cập giải quyết.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 357, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Công C, Lê Văn H2, Phạm Như T, Trần Thị Hồng H1, sửa bản án sơ thẩm như đề nghị của Viện kiểm sát.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**I/ Căn cứ vào:** Điểm b, khoản 1 Điều 355, Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Văn H2, Trần Thị Hồng H1, Phạm Như T, Nguyễn Công C, sửa bản án sơ thẩm.

**Tuyên bố:** Các bị cáo Lê Văn H2, Trần Thị Hồng H1, Phạm Như T, Nguyễn Công C phạm tội “Đánh bạc”.

1/ Căn cứ vào: Điểm b, c khoản 2 Điều 248 BLHS 1999; Nghị quyết số 41/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội khóa 14; Khoản 3, Điều 7; Điểm s, khoản 1, Điều 51 BLHS.

Xử phạt: bị cáo Lê Văn H2 05 (năm) năm tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 08/8/2017.

2/ Căn cứ vào: Điểm b, khoản 2 Điều 248 BLHS 1999; Nghị quyết số 41/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội khóa 14; Khoản 3, Điều 7; Điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51 BLHS.

Xử phạt: bị cáo Trần Thị Hồng H1 04 (bốn) năm tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 08/8/2017.

3/ Căn cứ vào: Điểm b, khoản 2 Điều 248 BLHS 1999; Nghị quyết số 41/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội khóa 14; Khoản 3, Điều 7; Điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51 BLHS.

Xử phạt: bị cáo Phạm Như T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 08/8/2017.

4/ Căn cứ vào: Điểm b, khoản 2 Điều 248 BLHS 1999; Nghị quyết số 41/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội khóa 14; Khoản 3, Điều 7; Điểm s, x, khoản 1, khoản 2, Điều 51 BLHS.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Công C 02 (hai) năm tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 08/8/2017.

**3. Về án phí:** Áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các bị cáo

Nguyễn Công C, Lê Văn H2, Phạm Như T, Trần Thị Hồng H1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

**4.** Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

**5.** Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Phòng HSNV-CATP Đà Nẵng (PV 27);
- Vụ 1;
- VKSND quận S;
- Công an quận S ;
- TAND quận S ;
- Chi cục THA quận S ;
- Sở tư pháp TPĐN;
- TB kết quả xét xử;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Trọng Danh**